

Bản số: 21 /2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16-8-2022

V/v Tranh chấp về thay đổi người trực
tiếp nuôi con sau khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Văn Hoàn

Bà Nguyễn Thanh Thủy

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thoan – Thư ký, Tòa
án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị
Tuyệt Chinh- Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số:
35/2022/TLST - HNGĐ ngày 29 tháng 3 năm 2022 về “Thay đổi người trực tiếp nuôi
con sau khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXXST - HNGĐ
ngày 06/6/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hồng, sinh năm 1997.(có mặt).

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Việt T, sinh năm 1989 (Có mặt).

Cùng trú tại: Xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, xét xử vụ án nguyên
đơn chị Trần Thị H trình bày:

Tại Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự
số 80/2021/QĐST-HNGĐ ngày 28/7/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái
Nguyên đã quyết định về con chung là cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 17/8/2015 giao
cho anh Nguyễn Hữu Việt T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho
đến khi thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc cho tới khi có sự thay đổi khác, tạm hoãn việc cấp
dưỡng nuôi con đối với chị Hdo anh T chưa có yêu cầu.

Tuy nhiên, kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật được hơn một tháng thì
anh T đã tự viết giấy ủy quyền ngày 19/9/2021 cho chị Hnuôi con cho đến khi cháu 18
tuổi. Vì vậy, chị Hđã trực tiếp đưa cháu P về nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến nay. Chị
Hđi làm xa nên đã gửi cháu P cho mẹ đẻ chăm sóc, đưa đón cháu đi học, chị vẫn thường
xuyên gọi điện về nói chuyện với cháu và hàng tuần đều về thăm con. Mẹ đẻ chị hiện
đang làm cho người thân ở thành phố T nên có thời gian chăm sóc con giúp chị, chị đi

làm công ty có thu nhập ổn định nên đủ điều kiện để nuôi con. Trong thời gian con sống chung với chị, anh T vẫn thường xuyên thăm cháu. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid 19 phức tạp nên chị hạn chế cho cháu gặp bố để đảm bảo an toàn cho cháu. Anh T cho rằng chị ngăn cấm anh thăm con là không đúng. Đến nay cháu P vẫn được học tập và sinh hoạt bình thường, phát triển tốt về mọi mặt nên chị Hyêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người nuôi con từ anh Nguyễn Hữu Việt T sang chị là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu Nguyễn Hữu P, chị Hkhông yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Nguyễn Hữu Việt T trình bày:

Về việc ly hôn và thỏa thuận giải quyết ly hôn như chị Trần Thị Htrình bày là đúng. Sau khi có Quyết định của Tòa án về việc ly hôn, anh T bận công việc nên mới ủy quyền cho chị Hnuôi con nhưng chị Hkhông thực hiện đúng cam kết trong giấy ủy quyền, không cho anh đón con. Chị Hkhông trực tiếp chăm sóc con mà để cho mẹ đẻ trông con giúp, lại đang ở nhờ nhà người khác nên không đảm bảo cuộc sống cho cháu P được; Ngoài ra, anh T đã sắp xếp được công việc và có thu nhập nên anh không nhất trí cho chị Htrực tiếp nuôi con nữa.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên phát biểu quan điểm: Đây là vụ án “Tranh chấp nuôi con sau ly hôn”, căn cứ Điều 28, 35, 39 BLTTDS Tòa án nhân dân huyện Đ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền. Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự (nguyên đơn) kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án, đã được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật. Không có vi phạm, không có đề xuất hay kiến nghị gì.

Về nội dung: Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 21; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 39, 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 68, 69, 71, 72, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn giao con chung là Nguyễn Hữu P, sinh ngày 17/8/2015 cho chị Htrực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con chung trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không có yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án về Hôn nhân và gia đình tranh chấp về thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn thuộc thẩm quyền của Tòa án theo quy định tại khoản 3 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Nguyễn Hữu Việt T có hộ khẩu thường trú và cư trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Chị Trần Thị Hkhởi kiện anh Nguyễn Hữu Việt T yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn đối với cháu Nguyễn Hữu P, sinh ngày 17/8/2015.

Về nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chưa thành niên Tòa án đã giao cho anh Nguyễn Hữu Việt T là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cháu P nhưng anh T đã không thực hiện nghĩa vụ của mình mà tự tay viết giấy ủy quyền cho chị Hnuôi con.

Hiện tại chị Hcó công việc và thu nhập ổn định. Hiện nay chị Hđi làm công ty nhưng vẫn thường xuyên đi về thăm con chung. Mẹ đẻ chị đang ở nhà người thân ở phường C, thành phố T vẫn giúp chị chăm sóc và đưa đón cháu P đi học. Cháu P hiện đang học tại trường tiểu học P, phường C, TP. Thái Nguyên. Cháu vẫn đang được học tập, sinh hoạt bình thường. Trong thời gian dịch Covid 19 bùng phát chị Hhạn chế việc thăm con của anh T là đảm bảo phòng chống dịch Covid nên anh T cho rằng chị ngăn cấm anh thăm gặp con là để đảm bảo an toàn khi dịch bệnh bùng phát.

Tại đơn xác nhận của bà Chu Thị T – mẹ đẻ chị Hồng, được UBND xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên xác nhận ngày 08/7/2022 xác định bà Chu Thị T có hộ khẩu thường trú tại xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Bà T đã cung cấp cho Tòa án 01 bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BO 462208. Đồng thời bà cũng gửi đơn đề nghị Tòa án xem xét giao con cho chị Hvi sau khi ly hôn, chị Hvẫn ở nhà bà. Bà có nhà và đất tại xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên nhưng do người nhà của bà là ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1935, trú tại phường C, TP. T, tỉnh Thái Nguyên có vợ bị tai biến nhờ bà T đến nhà chăm sóc giúp nên bà T mới nhận lời đến nhà ông C để làm việc, chăm sóc người ốm từ đầu năm 2019. Kể từ khi chị Hly hôn và anh T giao cháu P cho chị Hchăm sóc, bà T và chị Hcùng bàn bạc với ông C đưa cháu P xuống nhà ông C để cháu có môi trường học tốt hơn. Ngày 04/7/2022, công an phường C, TP. T xác nhận, bà Chu Thị T có đăng ký tạm trú tại nhà ông Nguyễn Văn C, thuộc tổ 9, phường C, TP. Thái Nguyên. Trường hợp bà T không làm việc tại nhà ông C nữa thì cả gia đình sẽ chuyển về sinh sống tại nhà bà T ở xóm C, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Tại đơn đề nghị của ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1935, trú tại tổ 9, phường Cam Giá, TP. Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên: Ông C trình bày về việc vợ ông bị tai biến. Do bà Chu Thị T có quan hệ họ hàng nên ông nhờ đến nhà để chăm sóc cho vợ. Khi biết việc chị Hđược anh T ủy quyền để nuôi cháu P, ông C đã bảo mẹ con bà Thái đón cháu P về nhà ông ở, ông luôn tạo mọi điều kiện cho cháu ăn ở và học tập. Chính vì vậy mà kết thúc năm học, cháu P đạt thành tích là học sinh xuất sắc. Ông C cũng đề nghị Tòa án xem xét cho chị Hnuôi con. Trường hợp Tòa án chấp nhận cho chị Htiếp tục nuôi cháu P, gia đình ông vẫn luôn tạo điều kiện về mọi mặt để cho cháu P được phát triển toàn diện.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh T không đưa ra được tài liệu chứng cứ gì chứng minh chị Hkhông đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc cháu P mà thực tế hiện tại cháu P học tập đạt kết quả học sinh giỏi được tặng giấy khen, thẻ chất phát triển khỏe mạnh. Do vậy, để đảm bảo sự phát triển toàn diện, tránh đảo lộn sinh hoạt, tâm lý cho con và đảm bảo theo quy định của pháp luật nên giao cháu P cho chị Htrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp nên Hội đồng xét

xử chấp nhận. Chị H không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con là ý chí tự nguyện, không trái pháp luật nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo luật định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 81,82,83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Chấp nhận yêu cầu của chị Trần Thị H về việc thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn, giao con chung Nguyễn Hữu P, sinh ngày 17/8/2015 cho chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh T do chị H không yêu cầu.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm con mà không ai được cản trở.

[2]. Án phí: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước. Được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005238 ngày 23/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

[3]. Quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TN;
- VKSND tỉnh, huyện Đ;
- THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- UBND xã M;
- Lưu VT, HSVA

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Quang Tuấn

